

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 5 - 2025

*“V/v Ly hôn có yếu tố nước
ngoài”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa:
Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 13/5/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyền Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLST – HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc “*Ly hôn có yếu tố nước ngoài*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Quan Thị T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Tuyền Quang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).0010.

*** Bị đơn:** Anh Ma Văn T1, sinh năm 1991. Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Tuyền Quang;

Chỗ ở hiện tại: Đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai nguyên đơn chị Quan Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012 chị T và anh Ma Văn T1 qua tìm hiểu tự nguyện với nhau, đã được gia đình 2 bên tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán và sinh sống tại gia đình bên nội (Bố mẹ đẻ anh T1). Đến năm 2013 vợ chồng T,

T1 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P (Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2013, quyển số 01/2012, do UBND xã P cấp ngày 04/12/2013). Đến năm 2019 anh Ma Văn T1 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, năm 2022 về nước lần 1 sau đó lại sang Nhật Bản lao động, về nước lần 2 vào tháng 7 năm 2024, sau đó lại sang Nhật Bản lao động. Do vợ chồng xa cách và phát sinh mâu thuẫn, anh T1 hiện ra ngoài làm tự do và không có giấy tờ nên chị T không biết địa chỉ của anh T1. Do nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đã ly thân từ năm 2019 đến nay, không thể duy trì cuộc sống vợ chồng, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị Quan Thị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Ma Thị Diễm M, sinh ngày 14/6/2014, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ma Thị Diễm M, không yêu cầu anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Quan Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Bị đơn anh Ma Văn T1 đang sinh sống ở Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ:*

Tòa án tiến hành niêm yết tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, nơi người thân thích của anh T1 cư trú và tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T1 thông qua chị Phạm Thị Y (chị dâu của anh T1); Trú tại: thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Đồng thời, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ:

Tại Công văn số 02/QLXNC – Đ1 ngày 03/01/2025 của Phòng Q Công an tỉnh T có thông tin: Ma Văn T1, sinh ngày 14/9/1991; giới tính: Nam, số căn cước công dân: 008091006240; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang đã sử dụng Hộ chiếu số C7101512 xuất, nhập cảnh lần gần nhất ngày 27/7/2024 (00:24:37) tại Sân bay quốc tế N, hiện chưa nhập cảnh lại Việt Nam.

Tại biên bản xác minh với chị Phạm Thị Y (chị dâu của anh T1), trình bày như sau: Năm 2013 vợ chồng T, T1 đăng ký kết hôn tại UBND xã P (Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2013, quyển số 01/2012, do UBND xã P cấp ngày 04/12/2013). Đến năm 2019 anh Ma Văn T1 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, năm 2022 về nước lần 1 sau đó lại sang Nhật Bản lao động, về nước lần 2 vào tháng 7 năm 2024, sau đó lại sang Nhật Bản lao động. Do vợ chồng xa cách và phát sinh mâu thuẫn, anh T1 hiện ra ngoài làm tự do và không có giấy tờ nên gia đình không biết địa chỉ của anh T1.

Về con chung: Chị Quan Thị T và anh Ma Văn T1 có con chung là cháu Ma Thị Diễm M, sinh ngày 14/6/2014, hiện đang ở với chị T.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Quan Thị T và anh Ma Văn T1 không có tài sản chung và không vay nợ chung.

Nay chị T nộp đơn xin ly hôn với anh T1, chị Y cam đoan sẽ thông báo bằng cách gọi điện thoại, nhắn tin cho anh T1 biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 207; các Điều 238, 266, 271, khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Quan Thị T được ly hôn với anh Ma Văn T1.

Về con chung: Cần giao cho chị Quan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ma Thị Diễm M, sinh ngày 14/6/2014, anh Ma Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Quan Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét nội dung này.

Về án phí: Chị Quan Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Quan Thị T và anh Ma Văn T1 được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T có đơn xin ly hôn với anh T1; cả hai anh chị đều có quốc tịch Việt Nam nhưng hiện tại anh T1 đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Vì vậy, việc giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự:

Anh T2 hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể nhưng gia đình xác nhận anh vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua điện thoại. Tòa án đã tiến hành niêm yết và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T2 thông qua chị Phạm Thị Y là chị dâu của anh T2. Chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T2 là đúng quy định.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của chị Quan Thị T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị T phù hợp với ý kiến trình bày của chị Phạm Thị Y là chị dâu của anh T2 và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị T, anh T2 có mâu thuẫn, không quan tâm tới nhau, đã sống ly thân nhiều năm, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Quan Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Ma Văn T1.

[3.2] Về con chung: Chị Quan Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ma Thị Diễm M, sinh ngày 14/6/2014, không yêu cầu anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Lời khai của con chung trên 07 tuổi là cháu Ma Thị Diễm M, sinh ngày 14/6/2014 có mong muốn được ở với mẹ (Chị T). Do vậy, cần giao cho chị Quan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung sau ly hôn.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có

[4] Về án phí: Chị Quan Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Ma Văn T1 không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179; Điều 207; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 469; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Quan Thị T, cho chị Quan Thị T được ly hôn với anh Ma Văn T1 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2013, quyền số 01/2012, do UBND xã P cấp ngày 04/12/2013);

2. Về con chung: Giao cho chị Quan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ma Thị Diễm M, sinh ngày 14/6/2014, anh Ma Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có và không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Quan Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Quan Thị T đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003526 Ký hiệu: BLTU/24 ngày 21/01/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Chị Quan Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Ma Văn T1 không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Ma Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (một) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, chị Quan Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Phúc Sơn, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Hồng Thắng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thanh - Nguyễn Thị Tâm

Ma Hồng Thắng

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- UBND xã Ngọc Hội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Hồng Thắng